TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC - AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2025
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Phước và ông Nguyễn Văn Hòa.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N,** sinh năm 2001;

Địa chỉ: Ấp A, xã H, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông **Ngô Minh T**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp Tây Bình B, xã P, tỉnh An Giang.

(Bà N có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:***

Bà và ông Ngô Minh T tự tìm hiểu quen biết và chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là xã P), tỉnh An Giang. Thời gian đầu, bà và ông T chung sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống với nhau, thường xuyên cự cãi làm cho hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ tháng

12/2024 bà và ông T đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

**** Đối với bị đơn ông Ngô Minh T*:**

Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang) đã tống đạt các văn bản tố tụng, đồng thời triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Trần Thị N có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Ngô Minh T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại xã V (nay là xã P), tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà N, ông T là hôn nhân hợp pháp, ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là xã P), tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18-02-2021. Trong quá trình chung sống, hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà N, ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà N được ly hôn với ông T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Không có.

[3.3] Về tài sản chung: Không có.

[3.4] Về nợ chung: Bà N xác định, bà và ông T không có nợ chung.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Ngô Minh T.

2. *Về án phí*: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0022022 ngày 09-6-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang); bà N đã nộp xong án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 10 – An Giang;
- UBND xã Phú Hòa;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi